

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói dịch vụ: Thuê dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo giai đoạn từ T4/2025 – T3/2027

Bên mời chào giá: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

**TUO. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ LCNCC**




Nguyễn Đăng Cường

MỤC LỤC

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT	4
THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ.....	5
1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM/DỊCH VỤ.....	6
1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng	6
1.1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ	6
1.1.2. Danh mục	6
1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ	6
1.3. Thời gian thực hiện HĐ	6
2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC	6
3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC.....	6
3.1. Thành phần của bộ HSDX.....	6
3.2. Yêu cầu chào giá.....	7
3.2.1. Giá chào.....	7
3.2.2. Thư giảm giá	7
3.2.3. Biểu giá chào.....	7
3.2.4. Đồng tiền chào giá, đánh giá: Việt Nam Đồng (VND).....	7
3.2.5. Điều kiện thanh toán	7
3.3. Làm rõ HSYC	7
3.4. Nộp HSDX.....	7
3.4.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX	7
3.4.2. Quy cách HSDX.....	8
3.4.3. Ngôn ngữ của HSDX: Tiếng Việt.....	8
3.4.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX.....	8
3.5. Làm rõ HSDX.....	8
3.6. Đánh giá HSDX.....	9
3.7. Đàm phán với NCC	9
3.8. Điều kiện NCC được lựa chọn	9
3.9. Thông báo kết quả LCNCC	9
3.10. Bảo mật thông tin	9
4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX.....	9
4.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX.....	9
4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm.....	10

4.3. Đánh giá về kỹ thuật.....	10
4.4. Đánh giá tài chính và xác định giá đánh giá.....	10
4.4.1. Bước 1. Xác định giá chào – BM03	10
4.4.2. Bước 2. Sửa lỗi số học được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:	10
4.4.3. Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo theo nguyên tắc sau:	11
4.4.4. Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá nếu có: (A).....	11
4.4.5. Bước 5. Xác định Giá đánh giá (G):	11
4.5. Xếp hạng NCC.....	12
4.6. Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại.....	12
5. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC	12
5.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX.....	12
5.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	13
5.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật.....	14
CÁC BIỂU MẪU	19
ĐƠN CHÀO GIÁ	19
GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾	20
BIỂU GIÁ CHÀO.....	21
BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN....	24
THƯ CAM KẾT PHẠT DO CHẠM TIẾN ĐỘ	25
CAM KẾT CỦA NCC.....	26

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1.	HSDX	Hồ sơ đề xuất
2.	HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
3.	NCC	Nhà cung cấp
4.	TCTHK/TCT/VNA	Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP
5.	USD	Đồng Đô la Mỹ
6.	HĐ	Hợp đồng
7.	DV	Dịch vụ
8.	Ngày	Ngày dương lịch theo lịch
9.	PLHĐ	Phụ lục hợp đồng
10.	HHDV	Hàng hóa dịch vụ
11.	LCNCC	Lựa chọn nhà cung cấp
12.	TCKT	Ban Tài chính kế toán
13.	SLA	Service Level Agreement

Số: ...219.../TCTHK-TTBSP

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2025

THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ

Kính gửi: **Các Nhà cung cấp**

Tổng công ty Hàng không Việt Nam (Vietnam Airlines) xin gửi Quý công ty lời chào trân trọng!

Chúng tôi kính mời Quý công ty tham gia gói chào giá “Thuê dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo giai đoạn từ T4/2025 – T3/2027”

Các yêu cầu chi tiết về dịch vụ được nêu tại Hồ sơ yêu cầu. Thời gian phát hành HSYC: từ 16 giờ (giờ Việt Nam), ngày 07 tháng 02 năm 2025 đến 15 giờ (giờ Việt Nam), ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Đề nghị Quý công ty gửi Hồ sơ đề xuất tới địa chỉ:

- Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm - Tổng công ty Hàng không Việt Nam.
- Địa chỉ: 200 Nguyễn Sơn, quận Long Biên, TP. Hà Nội, Việt Nam.
- Người liên hệ: Ông Đường Hạnh Phúc
- Điện thoại: 0903496363.
- Email: phucdh@vietnamairlines.com.

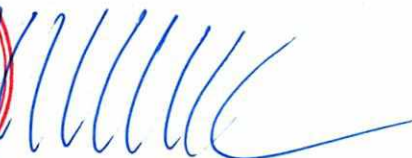
Thời gian nhận hồ sơ đề xuất: Chậm nhất là 15 giờ (giờ Việt Nam), ngày 18 tháng 02 năm 2025

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TU. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ LCNCC**



Nguyễn Đăng Cường

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM/DỊCH VỤ

1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng

1.1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Thuê dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo giai đoạn từ T4/2025 – T3/2027.

1.1.2. Danh mục

Dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo.

1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ

Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật quy định tại Mục 5.3 HSYC.

1.3. Thời gian thực hiện HĐ

- Thời gian triển khai HĐ: 04 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian sử dụng DV: 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu tổng thể và đưa dịch vụ vào sử dụng.

2. YÊU CẦU VỀ TƯ CÁCH CỦA NCC

2.1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của nước sở tại.

2.2. Có cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT.

2.3. Có bản cam kết không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật Đấu thầu (đối với NCC Việt Nam).

2.4. NCC tham gia chào giá với tư cách độc lập.

3. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

3.1. Thành phần của bộ HSDX

Bộ HSDX do NCC chuẩn bị bao gồm các tài liệu sau:

Mã tài liệu	Tên tài liệu	Tham chiếu
TL1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC, tính hợp lệ của HSDX	Mục 5.1
TL2	Tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm của NCC	Mục 5.2
TL3	Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật	Mục 5.3
TL4	Đơn chào giá	BM01
TL5	Giấy ủy quyền (nếu có)	BM02
TL6	Biểu giá chào	BM03
TL7	Báo cáo các HĐ tương tự đã và đang thực hiện	BM04
TL8	Thư cam kết phạt do chậm tiến độ	BM05

Mã tài liệu	Tên tài liệu	Tham chiếu
TL9	Cam kết của NCC	BM06

3.2. Yêu cầu chào giá

3.2.1. Giá chào

Giá chào là giá do NCC nêu trong Đơn chào giá (BM01) kèm theo Biểu giá chào (BM03) sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Đơn chào giá hoặc Thư giảm giá (nếu có).

3.2.2. Thư giảm giá

Trường hợp Thư giảm giá nộp trước thời điểm đóng chào giá, Thư giảm giá sẽ được đưa vào xác định giá tại bước xếp hạng NCC lần thứ nhất theo quy định tại Mục 4.4 và 4.5.

Trường hợp Thư giảm giá nộp tại thời điểm Đàm phán theo quy định tại Mục 4.6 và NCC là một trong 3 NCC xếp hạng cao nhất tại bước xếp hạng lần 1, Thư giảm giá sẽ được xem xét làm cơ sở đàm phán giá gói dịch vụ để làm căn cứ xếp hạng NCC.

3.2.3. Biểu giá chào

Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo mẫu BM03, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của NCC, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (Bao gồm thuế, phí).

Trường hợp chưa bao gồm thuế phí, VNA sẽ chủ động tính toán các loại thuế, phí và đưa vào nội dung đánh giá đảm bảo tính đúng, tính đủ. Nếu được công nhận trúng chào giá thì NCC phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định.

3.2.4. Đồng tiền chào giá, đánh giá: Việt Nam Đồng (VND).

3.2.5. Điều kiện thanh toán

Thanh toán theo hình thức chuyển khoản và được thực hiện như sau: VNA sẽ thanh toán trả sau định kỳ theo tháng hoặc quý, bao gồm chi phí triển khai được phân bổ theo tháng hoặc quý. Cơ sở thanh toán là bản nghiệm thu kết quả dịch vụ thực hiện theo kỳ thanh toán.

3.3. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi đề nghị làm rõ bằng email đảm bảo TCT nhận được trước tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX quy định tại Mục 3.4. Nội dung làm rõ HSYC sẽ được TCT gửi bằng email tới tất cả các NCC đã nhận HSYC. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì TCT sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các NCC đã nhận HSYC không muộn hơn một (01) ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX.

Ngôn ngữ của HSYC là tiếng Việt.

3.4. Nộp HSDX

3.4.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX

- Thời hạn nộp HSDX: trước 15^h00 giờ, ngày 18 / 02 /2025 (Giờ Hà Nội). HSDX gửi đến sau thời hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
- Hiệu lực của HSDX: 90 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.

3.4.2. Quy cách HSDX

Nộp bản gốc (nộp trực tiếp) hoặc hồ sơ scan từ bản gốc (nộp qua email).

3.4.3. Ngôn ngữ của HSDX: Tiếng Việt.

3.4.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX

Thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

3.4.4.1. Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ:

- Ban Tiếp thị và Bán sản phẩm - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
- Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà VN2, số 200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội.
- Người liên hệ: Ông Đường Hạnh Phúc, điện thoại: (+84)903496363, Email: phucdh@vietnamairlines.com.

3.4.4.2 Nộp HSDX bằng cách gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ:

- Email: phucdh@vietnamairlines.com.
- Người liên hệ: Ông Đường Hạnh Phúc, điện thoại: (+84)903496363.

Hồ sơ phải đảm bảo có chữ ký của người đại diện pháp luật của NCC hoặc người được ủy quyền. Văn bản ủy quyền cần tuân thủ theo mã tài liệu số TL05 tại Mục 3.1. Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email, nhà cung cấp có thể gửi tách nhiều email trong trường hợp dung lượng file đính kèm vượt quá 20 MB.

Trường hợp NCC gửi HSDX theo cả hai phương thức nêu trên và đều đến trước thời hạn nộp HSDX thì TCT sẽ đánh giá HSDX hợp lệ được gửi đến sau cùng.

3.5. Làm rõ HSDX

Trong quá trình đánh giá HSDX, TCT có thể yêu cầu NCC bổ sung, làm rõ nội dung của HSDX với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.

Tài liệu không được phép bổ sung bao gồm: Đơn chào giá và Biểu giá chào.

Tài liệu được phép bổ sung: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy đăng ký hoạt động; giấy ủy quyền; các cam kết, tài liệu chứng minh về tư cách, năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật của NCC.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết, TCT có thể yêu cầu NCC gia hạn hiệu lực của HSDX. Nếu NCC từ chối việc gia hạn HSDX, HSDX sẽ không được xem xét đánh giá ở các bước tiếp theo.

Hình thức làm rõ HSDX: Làm việc trực tiếp với NCC để trao đổi và ký biên bản làm việc hoặc gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email, hồ sơ làm rõ phải có chữ ký người đại diện hợp pháp của NCC. Những tài liệu làm rõ được lưu coi như một phần của HSDX. Trường hợp NCC không làm rõ theo thời hạn thì nội dung yêu cầu làm rõ được đánh giá theo HSDX của NCC.

3.6. Đánh giá HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện lần lượt theo các bước quy định tại Mục 4, bao gồm:

- Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX
- Đánh giá năng lực, kinh nghiệm
- Đánh giá về kỹ thuật
- Đánh giá tài chính và xác định giá đánh giá
- Xếp hạng NCC
- Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại.

3.7. Đàm phán với NCC

Trường hợp có 3 NCC trở lên đáp ứng yêu cầu về (i) Tính hợp lệ của HSDX (ii) Năng lực, kinh nghiệm (iii) Yêu cầu kỹ thuật và (iv) Giá đánh giá nhỏ hơn hoặc bằng giá kế hoạch được phê duyệt, TCT sẽ mời 3 NCC xếp hạng cao nhất vào đàm phán. Trường hợp có ít hơn 3 NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ đàm phán với tất cả các NCC đáp ứng yêu cầu.

3.8. Điều kiện NCC được lựa chọn

- Có tư cách NCC, HSDX hợp lệ nêu tại Mục 4.1;
- Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm nêu tại Mục 4.2;
- Đáp ứng yêu cầu về yêu cầu kỹ thuật nêu tại Mục 4.3;
- NCC được xếp hạng thứ nhất sau đàm phán và có giá chào không vượt giá Gói DV được phê duyệt.

3.9. Thông báo kết quả LCNCC

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn NCC, TCTHK gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn NCC đến tất cả các NCC tham gia nộp HSDX. Đối với NCC được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm hoàn thiện hợp đồng.
- TCTHK có quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ HSDX nào hoặc hủy bỏ quá trình chào giá và từ chối tất cả các HSDX bất cứ thời điểm nào trước thời điểm thỏa thuận Hợp đồng, mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với NCC cũng như không cần giải thích lý do cho NCC. TCTHK sẽ thông báo cho NCC trong trường hợp hủy bỏ tất cả các HSDX hoặc hủy bỏ quá trình lựa chọn NCC.

3.10. Bảo mật thông tin

Thông tin liên quan đến HSYC và việc đánh giá HSDX phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho bất kỳ cá nhân/tổ chức nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn NCC. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSYC, HSDX cho NCC khác.

4. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX

Việc đánh giá HSDX được Bên mời chào giá thực hiện theo trình tự như sau:

4.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX

Việc đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX quy định chi tiết tại Mục 5.1.

HSDX sẽ bị loại nếu không đáp ứng một trong các nội dung về Tiêu chuẩn đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX quy định chi tiết tại Mục 5.1. HSDX đáp ứng tất cả các nội dung nói trên sẽ được xem xét đánh giá năng lực, kinh nghiệm tại Mục 5.2.

4.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm

Việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định chi tiết tại Mục 5.2.

HSDX sẽ bị loại nếu không đạt một trong các nội dung về Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định chi tiết tại Mục 5.2. HSDX đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét đánh giá về kỹ thuật theo Mục 5.3.

4.3. Đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá nêu chi tiết tại Mục 5.3.

Chỉ những HSDX vượt qua vòng đánh giá về kỹ thuật mới được đưa vào đánh giá tài chính theo Mục 4.4.

4.4. Đánh giá tài chính và xác định giá đánh giá

4.4.1. **Bước 1.** Xác định giá chào – BM03

4.4.2. **Bước 2.** Sửa lỗi số học được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

– Lỗi số học:

Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói DV, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Các lỗi khác:

+ Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng. Khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào. Nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3.

+ Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại trên cơ sở làm rõ với NCC cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC.

- + Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi TCT cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại.
- + Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền.
- + Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

4.4.3. Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch theo nguyên tắc sau:

- Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong HSĐX của NCC có sai lệch.

Trường hợp trong HSĐX của NCC có sai lệch thiếu thì không được đánh giá.

Trường hợp trong HSĐX của NCC có sai lệch thiếu mà không có đơn giá tương ứng trong HSĐX của NCC có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

- + Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà NCC chào thiếu trong số các HSĐX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp trong HSĐX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói DV làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.
- + Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá trong dự toán của gói DV được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp trong HSĐX của NCC có sai lệch thừa mà không có đơn giá thì không được điều chỉnh.

- Trường hợp NCC có Thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào.

4.4.4. Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá nếu có: (A).

Giảm giá (nếu có) gồm giảm giá với số tiền hoặc tỷ lệ phần trăm giảm giá/Phí triển khai và/hoặc Phí sử dụng và/hoặc các hình thức giảm giá khác có thể quy đổi trực tiếp thành tiền dùng để thanh toán cho hợp đồng này.

4.4.5. Bước 5. Xác định Giá đánh giá (G):

Công thức giá đánh giá: $G = G1 + G2 + G3 - G4$

Trong đó:

- + **G1:** Phí triển khai.
- + **G2:** $\sum(\text{Đơn giá} \times \text{Sản lượng (bảng 01 Mẫu BM03)})$, phí hàng tháng theo BM03.
- + **G3:** Tổng các các chi phí NCC chào khác (nếu có).
- + **G4:** Các ưu đãi khác (nếu có, bao gồm cả ưu đãi hỗ trợ sử dụng hệ thống Chatbot truyền thông đang có của VNA).

4.5. Xếp hạng NCC

HSDX đáp ứng về tư cách NCC, năng lực kinh nghiệm, kỹ thuật và có giá đánh giá (G) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp NCC có điểm giá đánh giá bằng nhau thì NCC có điều kiện thương mại tốt hơn sẽ xếp hạng cao hơn.

4.6. Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại

Căn cứ vào danh sách các NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ tiến hành đàm phán theo quy định tại Mục 3.7.

Việc đàm phán dựa trên các cơ sở sau đây:

- HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của NCC.
- HSYC.

Các nội dung đàm phán bao gồm giảm giá và đạt được các điều kiện tốt hơn về kỹ thuật, thương mại.

TCT xếp hạng lại các NCC trên cơ sở kết quả đàm phán.

Qui trình thực hiện đàm phán: TCT sẽ thực hiện việc đàm phán theo hình thức gián tiếp. Theo đó TCT sẽ gửi yêu cầu đàm phán đến các NCC trong danh các NCC đã đáp ứng yêu cầu về điều kiện đàm phán bao gồm việc qui định cụ thể thời gian gửi/nộp Hồ sơ đàm phán; hình thức gửi, nộp hồ sơ đàm phán; hiệu lực của hồ sơ đàm phán, các nội dung yêu cầu đàm phán và các nội dung có liên quan khác.

5. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC

5.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
1.	HSDX được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX	Đáp ứng	Không đáp ứng	Thời hạn quy định tại Mục 3.4 HSYC
2.	HSDX được người đại diện hợp pháp ký (hoặc người được ủy quyền ký kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ)	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá và Giấy ủy quyền (nếu có)
3.	Yêu cầu về tư cách tham gia chào giá của NCC	Tham gia với tư cách độc lập	Tham gia với tư cách liên danh	HSDX

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
4.	Đồng tiền chào giá là VND	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá
5.	Ngôn ngữ chào giá là Tiếng Việt	Đáp ứng	Không đáp ứng	HSDX
6.	Hiệu lực của HSDX theo quy định tại Mục 3.4.1	≥ 90 ngày	< 90 ngày	Đơn chào giá
7.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật	Có	Không có	Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của quốc gia mà NCC đăng ký hoạt động/cung cấp dịch vụ.
8.	Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT	Đáp ứng	Không đáp ứng	Văn bản cam kết theo BM06
9.	Không bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo Luật đấu thầu.	Đáp ứng	Không đáp ứng	Văn bản cam kết theo BM06
10.	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị 3% giá trị Hợp đồng.	Đáp ứng	Không đáp ứng	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
11.	Phương thức thanh toán trả sau định kỳ theo tháng hoặc quý, bao gồm chi phí triển khai được phân bổ theo tháng hoặc quý.	Đáp ứng	Không đáp ứng	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

5.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
1.	Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành nghề phù hợp với lĩnh vực phát triển phần mềm CNTT	Đáp ứng	Không đáp ứng	Cung cấp bản sao có chứng thực Giấy đăng ký kinh doanh có ngành nghề phù hợp với lĩnh vực phát triển phần mềm CNTT được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng		Tài liệu cung cấp
		Đạt	Không đạt	
				theo quy định của pháp luật
2.	Báo cáo tài chính 02 (hai) năm gần nhất 2022, 2023, trong đó lợi nhuận sau thuế của hai năm này là dương.	Đáp ứng	Không đáp ứng	Bản sao báo cáo tài chính các năm 2022 và 2023
3.	Kinh nghiệm cung cấp dịch vụ liên quan đến phát triển phần mềm CNTT đã thực hiện trong 3 (ba) năm gần nhất 2021, 2022, 2023: Có tối thiểu 1 hợp đồng với tổng giá trị hợp đồng không thấp hơn 1.410.000.000 VND và Có tối thiểu 01 hợp đồng có tính chất liên quan đến dịch vụ chatbot	Đáp ứng	Không cung cấp hoặc không đáp ứng yêu cầu	Bản kê theo mẫu BM04 và bản sao Hợp đồng tương tự.
4.	Cam kết tuân thủ tiến độ triển khai không vượt 04 tháng kể từ ngày HĐ có hiệu lực	Có cam kết	Không cam kết	Theo Mẫu BM05

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

5.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
I	Yêu cầu về sản phẩm			
1.	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên có thể hiểu được ý định của người dùng, phân tích cảm xúc, có khả năng trích xuất hầu hết những nội dung quan trọng của câu.	Có bản cam kết	Có	Không có
2.	Có hệ thống báo cáo chuyên sâu theo đa dạng các mặt cắt nhằm hỗ trợ quản trị và theo dõi hoạt động của Chatbot.	Có bản cam kết	Có	Không có
3.	Có tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích, có thể đưa ra nhắc nhở người dùng nếu nhập sai thông tin trong trường hợp đặt lịch tư vấn.	Có bản cam kết	Có	Không có

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
4.	Menu cố định trên cửa sổ chat (có thể thay đổi các hạng mục theo người quản trị cấu hình), định hình sẵn một số nội dung mà khách hàng quan tâm nhiều.	Có bản cam kết	Có	Không có
5.	Có khả năng tự học hỏi liên tục dựa trên lịch sử hội thoại một cách tự động hoặc theo thời gian thực khi cần.	Có bản cam kết	Có	Không có
6.	Có khả năng xử lý ngữ cảnh tự nhiên nhờ AI: phát hiện các yếu tố ngữ cảnh hoặc sắc thái trong giao tiếp từ đó phản hồi tự nhiên hơn. Giữ được ngữ cảnh của hội thoại trong các lượt tương tác liên tiếp, đảm bảo không bị “mất ngữ cảnh” khi hội thoại kéo dài và trả lời liên tục.	Có bản cam kết	Có	Không có
7.	Có khả năng trả lời bằng text, voice, hình ảnh hoặc clip minh họa.	Có bản cam kết	Có	Không có
8.	Có khả năng tổng hợp các nhu cầu của khách hàng qua các câu hỏi tương tác để đưa ra các chủ đề, gợi ý, nội dung, điểm đến, hành trình.. phù hợp với nhu cầu của khách hàng.	Có bản cam kết	Có	Không có
9.	Người dùng có thể điều chỉnh thủ công và tái huấn luyện khi cần bổ sung, sửa đổi dữ liệu/kịch bản.	Có bản cam kết	Có	Không có
10.	Đảm bảo khả năng hoạt động ổn định ngay cả khi có nhiều lượt truy vấn đồng thời hoặc câu hỏi phức tạp.	Có bản cam kết	Có	Không có
11.	Khi gặp các câu hỏi ngoài phạm vi, Chatbot cần có cách phản hồi phù hợp, linh hoạt và hiệu quả,. Nếu vẫn không thể giải đáp, Chatbot cần có khả năng chuyển hướng người dùng đến bộ phận CSKH.	Có bản cam kết	Có	Không có
12.	Dữ liệu đào tạo Bot: Dữ liệu được sử dụng để đào tạo bot gồm nhưng không giới hạn bởi: File dữ liệu (Doc, PDF, Docx), Website hoặc kết nối trực tiếp	Có bản cam kết	Có	Không có

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
	với hệ thống qua API/Webservice. Chatbot sẽ xử lý và học từ các nguồn dữ liệu này để trả lời câu hỏi từ khách hàng chính xác hơn và liên tục cập nhật, cải thiện.			
13.	Có khả năng thiết lập tùy chọn phương pháp đào tạo, bot dựa trên lựa chọn này để thực hiện xử lý dữ liệu phù hợp.	Có bản cam kết	Có	Không có
14.	Kiểm tra kết quả: Người quản trị có thể kiểm tra hiệu suất của Chatbot từ đó để điều chỉnh, bổ sung dữ liệu nếu cần.	Có bản cam kết	Có	Không có
15.	Áp dụng trên website, zalo và fanpage Vietnam Airlines và có khả năng mở rộng.	Có bản cam kết	Có	Không có
II	Yêu cầu về ngôn ngữ			
16.	Tương thích với cơ chế đa ngôn ngữ (tối thiểu hỗ trợ ngôn ngữ gồm: Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung phần thể, Trung giản thể, Thái Lan và có khả năng mở rộng về sau) theo mô hình ngôn ngữ lớn, trong đó việc đào tạo Bot chỉ thực hiện trên một ngôn ngữ duy nhất (Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh).	Có bản cam kết	Có	Không có
III	Năng lực xử lý của Chatbot			
17.	Tốc độ đáp ứng request trung bình $\leq 5s$	Có bản cam kết	Có	Không có
18.	Đáp ứng tối thiểu 250.000 phiên mỗi tháng và 20.000 trong giờ cao điểm. Có khả năng mở rộng về sau.	Có bản cam kết	Có	Không có
IV	Đảm bảo hoạt động			
19.	Dịch vụ bảo trì hệ thống đảm bảo hỗ trợ 24/7	Có bản cam kết	Có	Không có
20.	Cam kết chất lượng dịch vụ SLA tối thiểu đạt 98%.	Có bản cam kết	Có	Không có

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
V	Yêu cầu về chất lượng và dịch vụ			
21.	Cung cấp dịch vụ trọn gói bao gồm triển khai, phần mềm, bản quyền, hạ tầng, an ninh và các hạng mục khác có liên quan cấu thành nên dịch vụ Chatbot AI.	Có bản cam kết	Có	Không có
22.	Cam kết chất lượng dịch vụ của Xử lý ngôn ngữ tự nhiên trên nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI).	Có bản cam kết	Có	Không có
23.	Kiểm soát tải và phân bổ: Hệ thống có khả năng cấu hình ngưỡng tải để tránh tình trạng quá tải.	Có bản cam kết	Có	Không có
24.	Hệ thống có chức năng tự động theo dõi, ghi nhật ký (log) và cảnh báo khi có sự cố.	Có bản cam kết	Có	Không có
VI	Yêu cầu về bảo mật, an ninh thông tin			
25.	Bảo mật Mạng: Hệ thống phải được triển khai trên một mạng ảo độc lập, với tường lửa mạng và ứng dụng.	Có bản cam kết	Có	Không có
26.	Thiết kế Vùng Mạng: Yêu cầu tách biệt các vùng: nội bộ, biên, DMZ, máy chủ nội bộ, máy chủ CSDL và vùng quản trị (nếu có).	Có bản cam kết	Có	Không có
27.	Quản lý Truy cập: Cơ chế phân quyền rõ ràng và quản lý truy cập từ xa an toàn.	Có bản cam kết	Có	Không có
28.	Bảo vệ Dữ liệu: Áp dụng cơ chế bảo mật dữ liệu và sao lưu định kỳ.	Có bản cam kết	Có	Không có
29.	Giám sát và Khôi phục: Hệ thống giám sát an toàn thông tin tập trung và cơ chế khôi phục sau sự cố.	Có bản cam kết	Có	Không có
30.	Cập nhật Bảo mật: Phần mềm được cập nhật bản vá bảo mật thường xuyên mà không phát sinh chi phí, đồng thời cần khắc phục kịp thời các lỗ hổng bảo mật nếu phát hiện	Có bản cam kết	Có	Không có

Stt	Nội dung yêu cầu	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
31.	Cam kết tuân thủ Quy định Pháp lý của Cơ quan chức năng: Tuân thủ Nghị định 53/2022/NĐ-CP và Nghị định 13/2023/NĐ-CP và các quy định ANTT của TCTHK	Có bản cam kết	Có	Không có
32.	Giải pháp Phòng chống Xâm nhập: Tích hợp giải pháp phòng chống xâm nhập và DDoS.	Có bản cam kết	Có	Không có
33.	Giải pháp Tích hợp: Tích hợp với giải pháp bảo vệ chống lại SQL injection, XSS theo tiêu chí OWASP.	Có bản cam kết	Có	Không có
	KẾT LUẬN		Đáp ứng tất cả các nội dung trên	Không đáp ứng một hoặc nhiều nội dung nêu trên

NCC cần gửi tài liệu mô tả giải pháp kỹ thuật tương ứng đối với các yêu cầu trên để VNA thực hiện đánh giá.

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 1 (BM01)

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [Ghi tên Bên mời chào giá]
(sau đây gọi là Bên mời chào giá)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số _____
[Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____
[Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói sản phẩm/dịch vụ _____ [Ghi tên gói hàng
hóa, dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị
bằng số, bằng chữ] cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá với số tiền hoặc tỷ lệ phần trăm
giảm giá/Phí triển khai và/hoặc Phí sử dụng và/hoặc các hình thức giảm giá khác
có thể quy đổi trực tiếp thành tiền dùng để thanh toán cho hợp đồng này là
_____ [Ghi số tiền hoặc tỷ lệ % giảm giá, nếu có].

Giá chào sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (Chưa bao gồm thuế phí)
[Ghi số tiền sau giảm giá, nếu có].

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp
dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian 90 ngày, kể từ 15 giờ, ngày 18
tháng 02 năm 2025.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới
ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường
hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên
quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản
chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này).
Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp
được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai
ban đầu là không chính xác thì nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 4 Điều 16 của Luật
Đầu thầu và bị xử lý theo quy định của Nhà nước.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói sản phẩm/dịch vụ] do ____ [Ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức:

- Ký đơn Chào giá, Biểu giá chào;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

Người ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với đơn chào giá. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp dịch thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO

1. Nội dung cung cấp

Thuê dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo giai đoạn từ T4/2025 – T3/2027:

Stt	Dịch vụ	Đơn vị tính	SL	Đơn giá (VND)	Thuế GTGT (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
I	Chi phí khởi tạo ban đầu						
1	Chi phí triển khai						
2							
3							
II	Chi phí hàng tháng						
1							
2							
III	Tổng cộng						
	Bằng chữ:/.						

2. Các đề xuất giảm giá và giá trị giảm giá (nếu có).

3. Chào giá cho các năm tiếp theo trong trường hợp tiếp tục sử dụng dịch vụ sau thời gian 24 tháng để tham khảo.

4. Hiệu lực của biểu giá chào là 90 ngày kể từ thời điểm 15 giờ, ngày 18 tháng 02 năm 2025.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Bảng số 01: Dự kiến sản lượng giao dịch và ước số lượng Token sử dụng trong 24 tháng làm cơ sở để các NCC tham khảo chào giá.

Tháng (*)	Số lượng giao dịch	Bình quân Input token/01 giao dịch	Bình quân Out token/01 giao dịch	Tổng Input token	Tổng Output token
-----------	--------------------	------------------------------------	----------------------------------	------------------	-------------------

1	250,000	300	400	75,000,000	100,000,000
2	255,000	300	400	76,500,000	102,000,000
3	260,100	300	400	78,030,000	104,040,000
4	265,302	300	400	79,590,600	106,120,800
5	270,608	300	400	81,182,412	108,243,216
6	276,020	300	400	82,806,060	110,408,080
7	281,541	300	400	84,462,181	112,616,242
8	287,171	300	400	86,151,425	114,868,567
9	292,915	300	400	87,874,454	117,165,938
10	298,773	300	400	89,631,943	119,509,257
11	304,749	300	400	91,424,581	121,899,442
12	310,844	300	400	93,253,073	124,337,431
13	317,060	300	400	95,118,135	126,824,179
14	323,402	300	400	97,020,497	129,360,663
15	329,870	300	400	98,960,907	131,947,876
16	336,467	300	400	100,940,125	134,586,834
17	343,196	300	400	102,958,928	137,278,571
18	350,060	300	400	105,018,106	140,024,142
19	357,062	300	400	107,118,469	142,824,625
20	364,203	300	400	109,260,838	145,681,117
21	371,487	300	400	111,446,055	148,594,740
22	378,917	300	400	113,674,976	151,566,634
23	386,495	300	400	115,948,475	154,597,967
24	394,225	300	400	118,267,445	157,689,926
Tổng	7,605,466	300	400	2,281,639,686	3,042,186,247

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

Tên nhà cung cấp: _____

STT	Tên khách hàng	Sản phẩm dịch vụ cung cấp	Hiệu lực HĐ (từ..đến..)	Tên và địa chỉ liên lạc của khách hàng để VNA làm rõ và tham khảo ý kiến
1				
2				
3				

THƯ CAM KẾT PHẠT DO CHẬM TIẾN ĐỘ

Trong trường hợp dịch vụ không được triển khai theo đúng cam kết của NCC do lỗi từ phía NCC, NCC cam kết:

Trả khoản tiền phạt do chậm tiến độ là 8% của chi phí triển khai.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]



CAM KẾT CỦA NCC

Tên NCC:

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC gói dịch vụ “Thuê dịch vụ Chatbot thông minh trên nền tảng trí tuệ nhân tạo giai đoạn từ T4/2025 – T3/2027” và căn cứ trên các sản phẩm chào cho TCT, chúng tôi cam kết:

1	Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT.	☐
2	Không bị cấm tham gia tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu (đối với NCC Việt Nam).	☐
3	Phương thức thanh toán trả sau định kỳ theo tháng hoặc quý, bao gồm chi phí triển khai được phân bổ theo tháng hoặc quý.	☐
4	Bảo lãnh thực hiện hợp đồng với giá trị 3% giá trị Hợp đồng.	☐

Ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]